

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 02 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Thanh D, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp Đ, xã T3, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Huỳnh Thanh D, thể hiện:*

Anh D và chị Nguyễn Kim C tự nguyện chung sống vào năm 2016, ngày 07/11/2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Sau khi sinh con được gần 01 năm thì chị C xin phép về gia đình tại ấp Đ, xã T3, huyện Đ1 sinh sống; đến tháng 3/2019, anh D đến đón nhưng chị C không về và hẹn sau khoảng 02 tháng sẽ về nhưng từ đó đến nay chị C không về và cũng không liên lạc gì. Từ nguyên nhân trên, anh D yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 01 người con tên Huỳnh Thị Ngọc L, sinh ngày

24/9/2017 do anh D nuôi dưỡng từ khi chị C đi về gia đình của chị cho đến nay. Khi ly hôn, anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Ngọc L, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có.

** Lời trình bày của chị Nguyễn Kim C thể hiện:*

Về hôn nhân chị và anh D chung sống với nhau trước 01 năm sau đó mới đăng ký kết hôn, khi sinh con được 01 năm (khoảng năm 2018) thì về gia đình chị sinh sống cho đến nay, chị có dự định đưa cháu Huỳnh Thị Ngọc L đi cùng nhưng anh D ngăn cản. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D, đồng ý giao Ngọc L cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, sau này chị sẽ yêu cầu thay đổi việc nuôi con. Ngoài ra, hiện nay chị và anh D còn thiếu khoản nợ của FPT Bình Dương số tiền vốn và lãi trên 60.000.000 đồng, chị yêu cầu anh D có trách nhiệm cùng với chị trả khoản nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Huỳnh Thanh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D là phù hợp và đúng quy định.

[2] Anh D và chị Nguyễn Kim C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Sau khi sinh cháu Huỳnh Thị Ngọc L được gần 01 năm thì chị C về gia đình tại ấp Đ, xã T3, huyện Đ1 sinh sống cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, chị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Xét thấy: Việc chị C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa, chị C đồng ý giao Huỳnh Thị Ngọc L, sinh ngày 24/9/2017 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh D. Xét thấy, việc chị C đồng ý để cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng Ngọc L là tự nguyện và cũng là để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Chị C có quyền, nghĩa vụ đối với Ngọc L theo quy định của pháp luật; trường hợp có sự ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình thì chị C có quyền yêu cầu đến chính quyền địa phương can thiệp làm căn cứ cho việc thay đổi việc nuôi con sau này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh D xác định không có.

Tại phiên tòa chỉ C xác định có khoản nợ của FPT Bình Dương tổng số vốn, lãi khoảng 60.000.000 đồng; chỉ C yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này. Xét thấy, quá trình Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, chỉ C không có ý kiến gì, chỉ C vắng mặt không tham gia trong phiên họp công khai, chứng cứ nội dung này vượt quá phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 210, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Thanh D và chị Nguyễn Kim C.

2. Về con chung: Giao Huỳnh Thị Ngọc L, sinh ngày 24/9/2017 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh D phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011838 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh D đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- C cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Dệt, huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn